

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 11 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2019, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Hồng G, sinh năm 1980 (Đặng Hồng G, sinh năm 1979) (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Trường G, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Khóm B, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đặng Hồng G trình bày:

Vào năm 2001, bà (Đặng Hồng G) và ông Lê Trường G chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh C vào ngày 11/6/2002. Quá trình chung sống với nhau thời gian đầu vợ

chồng rất hạnh phúc, sau một quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do ông Lê Trường G thường xuyên có hành vi bạo hành bà nên bản thân bà xét thấy không thể tiếp tục cuộc sống chung và không thể hàn gắn. Hiện bà và ông Lê Trường G không còn chung sống với mà không thể tự hòa giải, tự hàn gắn. Bà nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Trường G. Về con chung có 04 người tên là Lê Hồng N (giới tính nữ) sinh ngày 10/4/2001 hiện đã trưởng thành có cuộc sống riêng và có khả năng tự lao động sinh sống, Lê Hồng V (giới tính nữ) sinh ngày 27/6/2003, Lê Hồng D (giới tính nữ) sinh ngày 05/6/2009 và Lê Hồng M (giới tính nữ) sinh ngày 13/4/2013. Hiện nay Lê Hồng V, Lê Hồng D và Lê Hồng M đang do bà nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu ông Lê Trường G cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn là ông Lê Trường G đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai chứng cứ.

Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh C xác định: Giữa bà Đặng Hồng G và ông Lê Trường G mâu thuẫn như thế nào thì Ủy ban nhân dân thị trấn không xác định được tình trạng mâu thuẫn do các đương sự không yêu cầu hòa giải.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, chấp hành pháp luật của của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Đặng Hồng G ly hôn với ông Lê Trường G. Về con chung chưa đủ 18 tuổi giao cho bà Đặng Hồng G tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lê Trường G không phải cấp dưỡng nuôi con. Buộc bà Đặng Hồng G chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Đặng Hồng G yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Lê Trường G nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Lê Trường G vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. Xét về hôn nhân: Bà Đặng Hồng G và ông Lê Trường G chung sống với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn C huyện P, tỉnh C chứng nhận kết hôn vào ngày 11/6/2002. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, hôn nhân giữa bà Đặng Hồng G và ông Lê Trường G được công nhận là hôn nhân hợp pháp, bà Đặng Hồng G và ông Lê Trường G được công nhận là vợ chồng. Về mâu thuẫn, bà Đặng Hồng G cho rằng do ông Lê Trường G thường xuyên có hành vi bạo hành bà nên bản thân bà xét

thấy không thể tiếp tục cuộc sống chung và không thể hàn gắn. Bà Đặng Hồng G xác định hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Lê Trường G. Ông Lê Trường G đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai chứng cứ để Tòa án xem xét cho thấy ông Lê Trường G không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do hôn nhân giữa bà Đặng Hồng G và ông Lê Trường G đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Bà Đặng Hồng G yêu cầu ly hôn với ông Lê Trường G là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về con chung: Bà Đặng Hồng G xác định giữa bà và ông Lê Trường G có với nhau 04 người con chung tên là Lê Hồng N (giới tính nữ) sinh ngày 10/4/2001 hiện đã trưởng thành có cuộc sống riêng và có khả năng tự lao động sinh sống, Lê Hồng V (giới tính nữ) sinh ngày 27/6/2003, Lê Hồng D (giới tính nữ) sinh ngày 05/6/2009 và Lê Hồng M (giới tính nữ) sinh ngày 13/4/2013. Hiện nay Lê Hồng V, Lê Hồng D và Lê Hồng M đang do bà nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu ông Lê Trường G cấp dưỡng nuôi con. Con chung có nguyện vọng chung sống với bà Đặng Hồng G, đồng thời hiện tại con chung đang do bà Đặng Hồng G nuôi dưỡng nên việc tiếp tục giao con chung cho bà Đặng Hồng G nuôi là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở để chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đặng Hồng G về việc không yêu cầu ông Lê Trường G cấp dưỡng nuôi con. Ông Lê Trường G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung: Bà Đặng Hồng G yêu cầu tự thỏa thuận với ông Lê Trường G, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về nợ chung: Bà Đặng Hồng G xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Đặng Hồng G phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Đặng Hồng G ly hôn với ông Lê Trường G.

2. Về con chung: Giao cho bà Đặng Hồng G chịu trách nhiệm nuôi dưỡng Lê Hồng V (giới tính nữ) sinh ngày 27/6/2003, Lê Hồng D (giới tính nữ) sinh ngày 05/6/2009 và Lê Hồng M (giới tính nữ) sinh ngày 13/4/2013 cho đến khi Lê Hồng V, Lê Hồng D và Lê Hồng M đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống. Ông Lê Trường G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đặng Hồng G về việc không yêu cầu ông Lê Trường G cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Trường G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Đặng Hồng G yêu cầu được tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Đặng Hồng G xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đặng Hồng G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Đặng Hồng G đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019571, ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Phòng KT-NV & THA (Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phú Tân (khi án có hiệu lực);
- UBND thị trấn C, huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa